

Rx: Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

Novobion

Để xa tâm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Thành phần, hàm lượng của thuốc:

Mỗi viên chứa:

Thành phần hoạt chất:

- Vitamin B1 (thiamin mononitrat): 100 mg
- Vitamin B6 (pyridoxin hydrochlorid): 200 mg
- Vitamin B12 (cyanocobalamin): 200 mcg

Thành phần tá dược: natri edetat, dầu cọ, sáp ong trắng, dầu đậu nành, lecithin, aerosil, gelatin, glycerin, sorbitol, natri methylparaben, natri propylparaben, vanilin, chocolat brown HT, titan dioxit, nước tinh khiết.

Dạng bào chế: Viên nang mềm.

Mô tả: Viên nang mềm, viên khô cầm không dính tay, bên trong chứa hỗn dịch.

Chỉ định

Rối loạn thần kinh ngoại vi: viêm đa dây thần kinh, đau dây thần kinh, đau thần kinh tọa, vai-cánh tay, đau lưng-thắt lưng, đau thần kinh liên sườn, đau dây thần kinh sinh ba, tê các đầu chi, giảm đau trong đau dây thần kinh, bệnh thần kinh trong đái tháo đường, do thuốc, do nghiện rượu, điều trị hỗ trợ trong đau khớp, các rối loạn do thiếu hụt vitamin B₁, B₆, B₁₂ (bệnh Beri-Beri, viêm dây thần kinh ngoại vi, thiếu máu nguyên bào sắt, chứng cơ giât ở trẻ em do thiếu pyridoxin...).

Liều lượng và cách dùng

Ngày 1 – 3 viên hoặc theo chỉ định của bác sĩ.

Chống chỉ định

Quá mẫn hoặc dị ứng với các thành phần của thuốc.

U ác tính: Do vitamin B12 làm tăng trưởng các mô có tốc độ sinh trưởng cao, nên có nguy cơ làm u tiến triển.

Người bệnh cơ địa dị ứng (hen, eczema

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:

Không sử dụng đồng thời với levodopa. Phụ nữ có thai sử dụng vitamin B6 liều cao, kéo dài có thể gây hội chứng lệ thuộc thuốc ở trẻ sơ sinh.

Bệnh nhân dị ứng với dầu đậu nành không nên sử dụng thuốc này.

Trong chế phẩm có chứa các paraben như: natri methylparaben, natri propylparaben có thể gây ra các phản ứng dị ứng.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Phụ nữ mang thai:

Liều vitamin B6 bổ sung theo nhu cầu hàng ngày không gây hại cho thai nhi, nhưng với liều cao có thể gây hội chứng lệ thuộc thuốc ở trẻ sơ sinh.

Phụ nữ cho con bú:

Thuốc được xem là an toàn đối với phụ nữ cho con bú. Một số trường hợp đặc biệt, liều vitamin B6 trên 600 mg/ngày có thể gây ức chế tiết sữa.

Ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc

Thuốc không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

Tương tác, tương kỵ của thuốc:

Vitamin B6 làm giảm tác dụng của levodopa.

Liều dùng vitamin B6 200 mg/ngày có thể gây giảm 40 – 50% nồng độ phenytoin và phenobarbitan trong máu ở một số người bệnh.

Pyridoxin có thể làm nhẹ bớt trầm cảm ở phụ nữ uống thuốc tránh thai.

Tác dụng không mong muốn của thuốc:

Dùng thuốc kéo dài có thể gây bệnh thần kinh ngoại vi nặng, tiến triển từ đáng đi không vững và tê cồng bàn chân đến tê cồng và vụng về bàn tay. Tình trạng này có thể hồi phục khi ngừng thuốc, mặc dù vẫn còn để lại ít nhiều di chứng.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ khi gặp phải các tác dụng không mong muốn của thuốc.

Quá liều và xử trí

Quá liều vitamin B6 kéo dài hơn 2 tháng và hơn 1 g/ngày có thể gây tác dụng độc thần kinh: rối loạn thần kinh cảm giác ngoại biên, rối loạn điều hòa vận động và cảm giác.

Đặc tính dược lực học:

Nhóm dược lý: Vitamin tổng hợp

Mã ATC: A11BA

Dược lực học

Vitamin B1 (thiamin mononitrat):

Thiamin có liên quan với quá trình chuyển hóa carbohydrat. Trong tình

trạng thiếu thiamin, pyruvat và axit lactic tích tụ trong các mô. Các ion pyruvat được tham gia vào quá trình tổng hợp acetylcholin thông qua việc chuyển đổi sang acetyl đồng enzym A thông qua một quá trình phụ thuộc thiamin. Do đó, trong tình trạng thiếu thiamin, sẽ ảnh hưởng tới hệ thần kinh trung ương do ảnh hưởng tới sự tổng hợp acetylcholin hoặc gây tích lũy lactat và pyruvat. Thiếu thiamin gây mệt mỏi, chán ăn, rối loạn dạ dày-ruột, tim đập nhanh, khó chịu và các triệu chứng thần kinh. Thiếu hụt thiamin (và các yếu tố nhóm vitamin B khác) dẫn đến tình trạng Beri-Beri.

Vitamin B6 (pyridoxin hydrochlorid):

Vitamin B6 tồn tại dưới 3 dạng: pyridoxal, pyridoxin và pyridoxamin, khi vào cơ thể biến đổi thành pyridoxal phosphat và một phần thành pyridoxamin phosphat. Hai chất này hoạt động như những coenzym trong chuyển hóa protein, glucid và lipid. Pyridoxin tham gia tổng hợp acid gamma-aminobutyric (GABA) trong hệ thần kinh trung ương và tham gia tổng hợp hemoglobin.

Vitamin B12 (cyanocobalamin):

Hai dạng vitamin B12, cyanocobalamin và hydroxocobalamin đều có tác dụng tạo máu. Trong cơ thể người, các cobalamin này tạo thành các coenzym hoạt động là methylcobalamin và 5- deoxyadenosylcobalamin rất cần thiết cho tế bào sao chép và tăng trưởng. Methylcobalamin rất cần để tạo methionin và dẫn chất S-adenosylmethionin từ homocystein.

Ngoài ra, khi nồng độ vitamin B12 không đủ sẽ gây ra suy giảm chức năng của một số dạng acid folic cần thiết khác ở trong tế bào. Bất thường huyết học ở các người bệnh thiếu vitamin B12 là do quá trình này. 5-deoxyadenosylcobalamin rất cần cho sự đồng phân hóa, chuyển L- methylmalonyl CoA thành succinyl CoA. Vitamin B12 rất cần thiết cho tất cả các mô có tốc độ sinh trưởng tế bào mạnh như các mô tạo máu, ruột non, tử cung. Thiếu vitamin B12 cũng gây hủy myelin sợi thần kinh.

Dược động học

Vitamin B1 (thiamin mononitrat):

Thiamin được hấp thu qua đường tiêu hóa và được phân phối rộng rãi hầu hết các mô cơ thể. Lượng thiamin vượt quá yêu cầu của cơ thể không được lưu trữ và bài tiết trong nước tiểu như ở dạng thiamin chưa chuyển hóa hoặc các dạng chuyển hóa của nó.

Vitamin B6 (pyridoxin hydrochlorid):

Pyridoxin, pyridoxal và pyridoxamin được hấp thu dễ dàng qua đường tiêu hóa sau khi uống và được chuyển đổi thành các hình thức hoạt động pyridoxal phosphat và pyridoxamin phosphat. Chúng được lưu trữ chủ yếu ở gan, nơi có quá trình oxy hóa acid 4-pyridoxic và các chất chuyển hóa không hoạt tính khác mà được bài tiết trong nước tiểu. Pyridoxal qua được nhau thai và được phân bố vào sữa mẹ.

Vitamin B12 (cyanocobalamin):

Sau khi uống, vitamin B12 được hấp thu qua ruột, chủ yếu ở hồi tràng theo hai cơ chế: Cơ chế thụ động khi lượng dùng nhiều; và cơ chế tích cực, cho phép hấp thu liều lượng sinh lý, nhưng cần phải có yếu tố nội tại là glycoprotein do tế bào thành niêm mạc dạ dày tiết ra. Mức độ hấp thu khoảng 1% không phụ thuộc vào liều và do đó ngày uống 1 mg sẽ thỏa mãn nhu cầu hàng ngày và đủ để điều trị tất cả các dạng thiếu vitamin B12. Sau khi hấp thu, vitamin B12 liên kết với transcobalamin II và được loại nhanh khỏi huyết tương để phân bố ưu tiên vào nhu mô gan. Gan chính là kho dự trữ vitamin B12 cho các mô khác. Khoảng 3 microgam cobalamin thải trừ vào mật mỗi ngày, trong đó 50 – 60% là các dẫn chất của cobalamin không tái hấp thu lại được. Hydroxocobalamin được hấp thu qua đường tiêu hóa tốt hơn, và có ái lực với các mô lớn hơn cyanocobalamin.

Quy cách đóng gói:

Ví 15 viên nang mềm, hộp 2 vi

Bảo quản

Trong bao bì kín, tránh ẩm, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

Hạn dùng: 48 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn cơ sở

Tên, địa chỉ, biểu tượng (nếu có) của cơ sở sản xuất:

Nhà sản xuất



Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

Ta-20-180725-T02394C-C00270

Thêm nội dung vào phần chống chỉ định

Co chữ 8pt (font Myriad Regular)

Kích thước (rộng x dài): **95 x 251**(mm)/